TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:10/2018/DS-PT
Ngày 02/10/2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Oanh;
Ông Nguyễn Đức Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Ngọc Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị *tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Đức Triết – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2018/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2018 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2018/QĐPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Phương T; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn L, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Tấn P – Luật sư Văn phòng luật sư T thuộc đoàn luật sư tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị N; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/01/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tạ Thị Phương T trình bày:

Theo "giấy mượn tiền" ngày 06/4/2014 bà T cho bị đơn bà Trịnh Thị N vay số lượng 1,5 cây vàng (15 chỉ vàng) vàng 9999, mục đích lo việc gia đình thời gian trả ngày 06/11/2014, vay không có lãi, nhưng khi đến hạn trả nợ vay bà N

không trả số vàng đã vay trên. Bà T nhiều lần yêu cầu bà N thanh toán khoản vay nhưng bà N vẫn không trả nợ. Bà T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị N trả 15 chỉ vàng 9999, quy đổi tại thời điểm khởi kiện tương đương số tiền 51.000.000đồng.

Bị đơn bà Trịnh Thị N trình bày: Bà N thừa nhận ngày 06/4/2014 có vay của vợ chồng bà T và ông Lê Anh T 15 chỉ vàng 9999, thỏa thuận trả nợ ngày 06/11/2014, vay có lãi và hàng tháng phải trả lãi số tiền 2.500.000đồng/tháng, một năm trả lãi số tiền 30.000.000đồng, tiền lãi tương đương 58,82% số tiền đã vay là 51.000.000đồng. Tính từ ngày 06/4/2014 đến ngày 02/8/2016 là 28 tháng bà N phải trả số tiền lãi 70.000.000đồng. Tính đến ngày 02/8/2016 bà N đã trả số tiền lãi cho ông Lê Anh T và bà T là 57.500.000đồng, bà N còn nợ số tiền lãi 12.500.000đồng và 15 chỉ vàng 9999 tương đương số tiền 51.000.000đồng có giấy ghi ngày 02/8/2016 của vợ chồng ông T và bà T chốt nợ tại quán cà phê Sao Xanh thành phố Đông Hà, văn bản này do bà N viết 01 bản do bà T giữ. Bà N trả lãi nhiều lần, có lần trả bằng tiền mặt, có lần chuyển khoản vào tài khoản của anh T thể hiện trong nội dung tin nhắn qua điện thoại giữa bà N và bà T, bản ghi âm cuộc gọi giữa bà N và anh T, giấy nộp tiền vào tài khoản của anh T ngày 21/12/2015.

Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ Quyết định: Căn cứ vào Điều 471, 474 BLDS 2005; khoản 1 Điều 147, Điều 264, Điều 266 BLTTDS 2015 xử: Buộc bà Trịnh Thị N phải trả cho chị Tạ Thị Phương T số vàng đã vay là: 1,5 cây vàng (15 chỉ vàng) vàng 9999.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/5/2018, bà Trịnh Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ với lý do:

- Đề nghị trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết tại giấy mượn tiền ngày 06/4/2014, ở Tòa án cấp sơ thẩm bà N có yêu cầu tại phiên hòa giải và giao nộp chứng cứ, nhưng không được chấp nhận. Tại giấy vay tiền ngày 06/4/2018, bà N viết bằng tay có chữ ký của bà N, ông T và bà T, nhưng hồ sơ vụ án lại có giấy mượn tiền ghi ngày 06/4/2018 bằng mẫu in sẵn, chữ viết bằng mực trên giấy vay tiền không phải do bà N viết và chữ ký không phải của bà N, không có chữ ký của ông T.

- Tại cấp sơ thẩm bà N yêu cầu đưa ông Lê Anh T tham gia tố tụng với tư cách là đồng nguyên đơn, nhưng không được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ đưa bà T là nguyên đơn trong vụ án và không có giấy ủy quyền của ông T cho bà Thảo tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Bà N thừa nhận có vay 15 chỉ vàng, nhưng vay của vợ chồng ông T, bà T quy đổi thành tiền 51.000.000đồng và đã trả lãi cho ông T, bà T số tiền lãi là 57.500.000đồng. Việc trả tiền lãi hàng tháng qua thẻ ATM số tài khoản mang tên Lê Anh T tại Ngân hàng VietcomBank do ông T cung cấp, lần cuối cùng chuyển ngày 21/12/2015 và trả bằng tiền mặt và giao sổ lương hưu chuyển qua thẻ ATM của mẹ bà N là bà Hoàng Thị T cho anh T, bà T để trừ dần nợ. Tòa án cấp sơ thẩm

không xem xét việc trả nợ của bà N mà cho rằng bà N chuyển tiền qua tài khoản của ông T là trả tiền mua quần áo và buộc bà N trả cho ông T, bà T 15 chỉ vàng là không đúng thực tế.

- Tại các lần hòa giải, bà N yêu cầu để đối trừ nợ, do thiếu hiểu biết pháp luật nên không làm đơn phản tố để đối trừ nợ nên không được Tòa án chấp nhận. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét số tiền bà N đã trả để trừ vào số tiền gốc và tiền lãi trong số tiền vay 51.000.000đồng.

Đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngày 17/8/2018, bà Trịnh Thị N có đơn không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của giấy mượn tiền ghi ngày 06/4/2014.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa chấp hạnh đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách người tham gia tố tụng. Tiến hành thu thập, kiểm tra giao nộp, công khai chứng cứ, thủ tục hòa giải, xem xét thẩm định tại chỗ và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng quy định.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Điều 63 BLTTDS; trình tự, thủ tục phiên tòa đảm bảo; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 51 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Bị đơn bà Trịnh Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ. Quá trình Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý và giải quyết vụ án, bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho nội dung kháng cáo của bà N nên không thể chấp nhận đơn kháng cáo.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Tạ Thị Phương T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trịnh Thị N trả lại số vàng đã vay là 15 chỉ vàng 9999 tương đương 51.000.000đồng tại giấy mượn tiền ngày 06/4/2014. Căn cứ Điều 463

BLDS, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Việc bà N cho rằng giấy mượn tiền ngày 06/4/2014 do bà T cung cấp không phải chữ ký, chữ viết của bà N, còn giấy mượn tiền ngày 06/4/2014 do bà N viết bằng tay có chữ ký của bà N, ông T và bà T, nhưng bà T không cung cấp và bà N có yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết tại giấy mượn tiền ngày 06/4/2014 không phải chữ ký, chữ viết của bà N. Hội đồng xét xử thấy: Tại biên bản về việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 12/01/2018 (BL số 40) và ngày 17/8/2018 bà N có đơn không yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 06/4/2014. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bà N không cung cấp được các tài liệu chứng cứ thể hiện có giấy mượn tiền ngày 06/4/2014 khác do bà N viết bằng tay có chữ ký của bà N, ông T, bà T. Bà T cho rằng, bà N chỉ vay bà T 15 chỉ vàng trên, bà N không vay khoản nào khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo bà N cho rằng khoản vay 15 chỉ vàng là khoản vay của vợ chồng ông T, bà T, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Lê Anh T (chồng bà T) vào tham gia tố tụng với tư cách đồng nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử thấy: Giấy mượn tiền ngày 06/4/2014 thể hiện người cho mượn là bà Tạ Thị Phương T và bà T là người khởi kiện, còn ông Lê Anh T không liên quan đến quan hệ vay tài sản trên. Căn cứ khoản 2 Điều 68 BLTTDS quy định, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn là bà Tạ Thị Phương T là đúng quy định pháp luật.

[2.3] Đối với nội dung kháng cáo bà N cho rằng đã trả ông T, bà T số tiền lãi là 57.500.000đồng và có giấy chốt nợ giữa bà N, ông T, bà T, Hội đồng xét xử thấy: Tại giấy mượn tiền ngày 06/4/2014 không thỏa thuận việc trả lãi theo mức lãi suất bao nhiêu và tại phiên tòa bà N cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh đã trả số tiền lãi 57.500.000đồng và có giấy chốt nợ giữa bà N, ông T và bà T nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Đối với giấy nộp tiền ngày 21/12/2015 có nội dung: Bà N chuyển số tài khoản 0771000570071 mang tên Lê Anh T tại Ngân hàng VietcomBank Đông Hà số tiền 2.500.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà N không có yêu cầu. Vì vậy, bà N có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác để yêu cầu trả lại số tiền trên.

[2.5] Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bà N thừa nhận có vay 15 chỉ vàng quy đổi thành tiền 51.000.000đồng. Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N trả số vàng đã vay là 15 chỉ vàng 9999 tương đương 51.000.000đồng. Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466 BLDS, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Trịnh Thị N phải trả cho bà Tạ Thị Phương T 15 chỉ vàng 9999 tương đương số tiền 51.000.000đồng là có cơ sở.

Vì vậy, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Trịnh Thị N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 BLTTDS; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bà Trịnh Thị N phải chịu số tiền 2.550.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và số tiền 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng được trừ số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0001585 ngày 19/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lộ.

Hoàn trả cho bà Tạ Thị Phương T số tiền 1.275.000đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0001480 ngày 21/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 26 BLTTDS; Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, xử: Buộc bà Trịnh Thị N phải trả cho bà Tạ Thị Phương T số vàng 1,5 cây vàng (15 chỉ vàng) 9999 tương đương 51.000.000đồng (Năm mươi mốt triệu đồng).

2. Án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 BLTTDS, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bà Trịnh Thị N phải chịu số tiền 2.550.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và số tiền 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0001585 ngày 19/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lộ. Bà Nga tiếp tục nộp số tiền 2.550.000đồng.

Hoàn trả cho bà Tạ Thị Phương T số tiền 1.275.000đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0001480 ngày 21/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lộ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T, nếu bà N chưa chịu thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Theo quy định tại Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đươc quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện Cam Lộ;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- Các đương sự;
- Luật sư;
- Phòng KTNV & THA;
- Tổ HCTP;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà